

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HHH
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2020/DS-ST

Ngày: 28/12/2020.

V/v *Kiến tranh chấp Hợp đồng;*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HHH, TỈNH HOÀ BÌNH
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Thẩm phán Trần Hữu Ngà.

Các hội thẩm nhân dân: Phạm Thị Nga, Phạm Quốc Trung;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bùi Thái ;

Đại diện Viện kiểm sát: Bà Lỗ Thị Loan – Kiểm sát viên;

Mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa án HHH các ngày 28/12/2020, xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 10/2020/TLST-DS ngày 04/3/2020, giữa các đương sự sau:

1/ Nguyên đơn: Công ty HS;

Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần (Mã số doanh nghiệp: 5400254456)

Địa chỉ: xXX, YY, HHH, tỉnh Hòa Bình

Người đại diện theo pháp luật: ông KV- Giám đốc (*Có mặt tại phiên tòa*).

2/ Bị đơn: Công ty HSD;

Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần (Mã số doanh nghiệp: 5400474814);

Địa chỉ: XX, YY, HHH, tỉnh Hòa Bình

Đại diện theo pháp luật: ông ĐN - Giám đốc Công ty (*Vắng mặt dù đã được tổng đạt giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ nhiều lần*).

3/ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông NT – Chủ tịch Hội đồng quản trị công tyHSD;

ĐKNKTT: XX, YY, HH, thành phố Hòa Bình;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

{1}Theo đơn khởi kiện và quá trình cung cấp chứng cứ, nguyên đơn cho rằng:

Ngày 30/8/2012, Công ty P cho Công ty H vay 2.466.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm sáu mươi sáu triệu đồng). Thỏa thuận thời hạn cho vay là 12 tháng . Ngày 04/02/2013, Công ty P tiếp tục cho Công ty cổ phần H vay tiếp 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). thỏa thuận thời hạn vay là 03 tháng; Lãi suất là 2,5%/tháng.

Tiếp đó, ngày 12/01/2014 Công ty P cho Công ty cổ phần H vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Thỏa thuận thời hạn vay là 03 tháng; Lãi suất 2,5%/tháng. Cả ba lần trên, ông KV và đại diện theo pháp luật khi đó của Công ty cổ phần H là ông NT cùng nhau lập hợp đồng và ký tên, đóng dấu xác nhận vào hợp đồng đó. Cả ba hợp đồng trên, Công ty H đều thế chấp cho Công ty P bằng thửa đất trụ sở Công ty và đất làm gạch ngói. Tuy nhiên việc thế chấp các bên không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm.

- Nay Nguyên đơn yêu cầu Tòa án xử buộc Công ty cổ phần H phải trả cho Công ty P tổng cộng 2.616.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi theo quy định chung của pháp luật.

- Về lãi suất, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn tự nguyện yêu cầu như sau:

Đối với khoản vay 2.466.000.000 đồng ngày 30/8/2012, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi theo mức 1%/tháng, với thời gian chịu lãi là 12 tháng (Từ ngày 30/8/2012 đến ngày 30/8/2013). Từ sau ngày 30/8/2013, nguyên đơn tự nguyện cho và không yêu cầu bị đơn trả lãi nữa.

Đối với khoản vay 100.000.000 ngày 04/02/2013, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi theo mức 1%/tháng, với thời gian chịu lãi là 03 tháng (Từ 04/02/2013 đến 04/5/2013). Từ sau ngày 04/5/2013, nguyên đơn tự nguyện cho và không yêu cầu bị đơn trả lãi nữa.

Đối với khoản vay 50.000.000 đồng ngày 12/01/2014, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi theo mức 1%/tháng với thời gian chịu lãi là 03 tháng (Từ ngày 12/01/2014 đến 12/4/2014). Từ sau ngày 12/4/2014, nguyên đơn tự nguyện cho và không yêu cầu bị đơn trả lãi nữa.

{2} Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo pháp luật hiện tại của Công ty cổ phần H không đến Tòa án làm việc và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

{3} Quá trình cung cấp chứng cứ ông NT xác nhận vào thời điểm 30/8/2012, 04/02/2013, 12/01/2014, ông NT là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần H, do đó có quyền đại diện Công ty cổ phần H ký các hợp đồng vay tiền của Công ty P; Nghĩa vụ trả nợ là của Công ty cổ phần H. Tuy nhiên, ông T chỉ công nhận khoản vay 100.000.000 đồng ngày 04/02/2013 và khoản vay 50.000.000 đồng ngày 12/01/2014.

Đối với khoản vay 2.466.000.000 đồng ngày 30/8/2012, ông T thừa nhận bản thân có đại diện Công ty cổ phần H ký tên, đóng dấu và giấy biên nhận vay tiền (Nhận vay số tiền trên), nhưng việc ký, đóng dấu chỉ là để giúp KV (Do được ông KV nhờ làm như vậy, để ông V cầm đi cho người khác xem, làm tin để họ cho vay tiền và ông V hứa cho Công ty H vay lại một phần để kinh doanh).

{4} Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện và yêu cầu nêu trên của nguyên đơn và buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định chung của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

{5} Về tố tụng: Bị đơn đã được Tòa tổng đạt giấy triệu tập phiên tòa hợp pháp nhiều lần nhưng vắng mặt; Ông NT đã có đơn đề nghị xử vắng mặt, nên căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tòa xét xử vắng mặt những người này.

{6} Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ P từ đây viết tắt là P. Công ty cổ phần H từ đây viết tắt là H.

{7} Về nợ gốc: đại diện nguyên đơn - ông KV cho rằng P cho H vay tiền 03 lần, tổng cộng là 2.616.000.000 đồng nợ gốc; Trong đó ngày 30/8/2012, cho vay 2.466.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm sáu mươi sáu triệu đồng). Ngày 04/02/2013, cho vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Tiếp đó, ngày 12/01/2014 cho vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Cả ba lần trên người đại diện theo pháp luật khi đó của H là ông NT đã ký tên, đóng dấu công ty vào Giấy biên nhận vay tiền. Ông KV đã suất trình được 03 Giấy biên nhận vay tiền phù hợp với yêu cầu khởi kiện. Ông NT xác nhận vào thời điểm 30/8/2012, 04/02/2013, 12/01/2014, ông NT là người đại diện theo pháp luật của H khi đó, bản thân đã đại diện cho H ký vào 03 giấy biên nhận vay tiền mà nguyên đơn đã nộp Tòa. Như vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn phải trả 2.616.000.000 đồng nợ gốc.

- Ông NT thừa nhận bản thân đã ký tên, đóng dấu Công ty vào 03 giấy biên nhận vay tiền mà nguyên đơn đã nộp Tòa, nhưng chỉ công nhận khoản vay 100.000.000 đồng ngày 04/02/2013 và khoản vay 50.000.000 đồng ngày 12/01/2014. Đối với khoản vay 2.466.000.000 đồng ngày 30/8/2012, ông T cho rằng ông Ký tên, đóng dấu Công ty H vào giấy biên nhận vay tiền (Nhận vay số tiền trên), nhưng việc ký, đóng dấu chỉ là để giúp ông KV (Do được ông KV nhờ làm như vậy, để ông KV cầm đi cho người khác xem, làm tin để họ cho vay tiền và ông KV hứa cho Công ty H vay lại một phần để kinh doanh). Tuy nhiên ông T không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh, nên không có căn cứ xem xét.

{8} Về nợ lãi: Trong các giấy biên nhận vay tiền mà H ký với P đều ghi lãi suất là 2,2 hoặc 2,5%/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn tự nguyện chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi đối với cả ba khoản vay theo mức 1%/tháng; Thời gian chịu lãi tính theo thời hạn vay đã ghi trên giấy (Theo đó thời gian chịu lãi của Khoản vay 2.466.000.000 đồng ngày 30/8/2012 là 12 tháng. Hai khoản vay ngày 04/02/2013 và 12/01/2014 thời gian chịu lãi là 03 tháng); Ngoài thời gian nêu trên (Thời gian quá hạn trả nợ theo thỏa thuận), nguyên đơn tự nguyện cho và không yêu cầu bị đơn trả lãi. Sự tự nguyện của nguyên đơn là phù hợp pháp luật, được chấp nhận.

{9} Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản mà H đã thế chấp cho P để đảm bảo khoản vay. Sự tự nguyện hợp pháp, được chấp nhận.

{10} Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 471, 473, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, Tuyên xử như sau:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

2/ Buộc Công ty cổ phần H phải trả cho Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ P số tiền sau:

Trả nợ gốc là: 2.616.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm mười sáu triệu đồng);

Trả nợ lãi là: 300.420.000 (Ba trăm triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Nếu không trả nợ như đã tuyên ở trên thì kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và Người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp thì người phải thi hành án phải chịu tiền lãi, do chậm thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Công ty cổ phần H phải chịu 90.328.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty CPTM và dịch vụ P được trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0006696 ngày 04/3/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự .

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- UBND phường, xã nơi DS cư trú;
- UBND phường, xã nơi có TS tranh chấp;
- Dương sự;
- Lưu HS + VT + LT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Chủ Tọa phiên tòa